

TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA: TRƯỜNG HỢP LỄ HỘI DINH CÔ

Ngô Thanh Lâm*

Tóm tắt: Tại Việt Nam, du lịch văn hóa đang trở thành công cụ chiến lược trong phát triển kinh tế và quảng bá quốc gia. Bài viết phân tích vai trò của chính sách Nhà nước trong chuyển đổi lễ hội Dinh Cô - một thực hành tín ngưỡng dân gian gắn với đời sống ngư dân xã Long Hải thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, để trở thành một sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù. Dựa trên phương pháp định tính, nghiên cứu cho thấy chính sách văn hóa - du lịch đã tái cấu trúc không gian, nghi thức và ý nghĩa lễ hội theo hướng phục vụ du lịch, đồng thời làm rõ những căng thẳng giữa bảo tồn văn hóa và thương mại hóa. Trường hợp lễ hội Dinh Cô minh chứng cho vai trò điều tiết chính sách của Nhà nước trong mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển ở vùng ven biển Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách, lễ hội Dinh Cô, du lịch văn hóa.

Abstract: In Vietnam, cultural tourism has been serving as a strategic instrument for economic development and national cultural promotion. The article examines the role played by State policy in the transformation of the Dinh Co Festival, a folk religious practice closely associated with the life of fishers in Long Hai commune, which belongs to Ho Chi Minh City at present, into a distinctive cultural tourism product. Employing qualitative research methods, the study demonstrates that cultural and tourism policies have significantly restructured the spatial organization, ritual practices, and symbolic meanings of that festival in a way that they increasingly tend to serve tourism activities; simultaneously, the research elucidates emerging tensions between cultural preservation and commercialization. The case of the Dinh Co Festival illustrates the importance of the regulatory role played by the State in mediating the relationship between culture and development in Vietnamese coastal communities..

Keywords: State policy, Dinh Co Festival, cultural tourism.

Ngày nhận bài: 5/5/2025; ngày phản biện: 16/5/2025; ngày duyệt đăng: 22/1/2026.

MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, chính sách của Nhà nước ngày càng khẳng định vai trò định hướng trong phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa - một lĩnh vực được xem là trụ cột chiến lược trong quá trình quảng bá hình ảnh quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền

* Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh). Email: ntlam@nttu.edu.vn.

vững. Thông qua việc bảo tồn, khai thác và quảng bá các giá trị di sản văn hóa, Nhà nước không chỉ góp phần củng cố bản sắc dân tộc mà còn tạo ra động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội ở cấp địa phương. Trong bối cảnh đó, các lễ hội truyền thống trở thành đối tượng được đầu tư, định hướng và tổ chức lại theo hướng phục vụ du lịch, điển hình như lễ hội Dinh Cô tại xã Long Hải, thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh¹.

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch - kinh tế không phải lúc nào cũng diễn ra suôn sẻ. Việc thương mại hóa các thực hành văn hóa có thể làm biến đổi nội dung, hình thức và ý nghĩa gốc của di sản, đặc biệt trong các nghi lễ tín ngưỡng cộng đồng. Câu hỏi đặt ra là: chính sách Nhà nước có thể định hình lại không gian văn hóa, nhận thức cộng đồng và cấu trúc lễ hội như thế nào khi một thực hành văn hóa địa phương được tái cấu trúc thành sản phẩm du lịch? Vấn đề này đã thu hút sự quan tâm từ nhiều học giả trong và ngoài nước. Trên bình diện quốc tế, Timothy & Nyaupane (2009) nhấn mạnh vai trò Nhà nước trong việc kiểm soát và tái cấu trúc giá trị di sản để phục vụ phát triển. Winter (2014) cho rằng, tại châu Á, di sản văn hóa ngày càng được sử dụng như một công cụ mềm trong chiến lược phát triển quốc gia. Ở Việt Nam, Nguyễn Văn Tiệp (2019) nghiên cứu về các lễ hội tâm linh phía Nam cho thấy chính sách của Nhà nước vừa góp phần bảo tồn nghi lễ, vừa tái định hình ý nghĩa gốc phục vụ phát triển. Lê Anh Tuấn (2021) cũng chỉ ra thách thức của việc hài hòa giữa thương mại hóa lễ hội và bảo tồn tính thiêng trong trường hợp lễ hội Đền Hùng. Nghiên cứu của Kim & Bùi (2020) về lễ hội Chùa Hương khẳng định rằng, chính sách đã thúc đẩy sự phát triển du lịch nhưng đồng thời cũng dẫn đến sự biến dạng của một số giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay vẫn tập trung vào những lễ hội có quy mô lớn hoặc đã được quốc tế hóa, trong khi các lễ hội địa phương có tầm ảnh hưởng vùng như Dinh Cô vốn mang đậm bản sắc ngư nghiệp Nam Bộ vẫn còn chưa được phân tích đầy đủ dưới lăng kính chính sách văn hóa - du lịch.

Nội dung bài viết này hướng đến phân tích tác động của chính sách đối với sự chuyển đổi của lễ hội Dinh Cô, từ một nghi lễ tín ngưỡng cộng đồng thành một sản phẩm văn hóa - du lịch đặc thù. Khác với cách tiếp cận mô tả đơn tuyến, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, bao gồm phân tích chính sách, quan sát tham gia và phỏng vấn bán cấu trúc để nhận diện, làm rõ cách thức Nhà nước thể hiện các quan điểm về thực hành và không gian văn hóa trong quá trình phát triển du lịch. Nghiên cứu thu thập và phân tích các văn bản pháp lý, chiến lược phát triển du lịch và chính sách quản lý văn hóa liên quan đến lễ hội Dinh Cô để định hướng công tác quản lý của Nhà nước. Các cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện với đại diện các cơ quan quản lý, chính quyền địa phương, người dân và du khách để tìm hiểu cảm nhận và nhận thức về sự biến đổi của lễ hội. Quan sát tham gia trong các dịp lễ hội năm 2023 và 2024 giúp tác giả ghi nhận trực tiếp sự chuyển biến về không gian tổ chức, hoạt động diễn ra và mức độ tương tác của cộng đồng. Phân tích tài liệu được sử dụng để đọc hiểu các tài liệu

¹ Trước thời điểm ngày 1/7/2025 là thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

truyền thông, phát ngôn chính thức và ấn phẩm quảng bá, nhằm làm rõ cách thức lễ hội được thể hiện như một sản phẩm du lịch dưới góc nhìn của Nhà nước. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ vai trò của chính sách Nhà nước trong phát triển du lịch văn hóa, mà còn phản ánh những vấn đề đặt ra về khả năng điều tiết trong quá trình tái cấu trúc một thực hành văn hóa địa phương thành điểm nhấn du lịch trong bối cảnh hiện nay.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Khái quát về lễ hội Dinh Cô

Lễ hội Dinh Cô phản ánh tâm linh đặc sắc của vùng Đông Nam Bộ, được tổ chức hàng năm vào các ngày 10 - 12 tháng Hai âm lịch tại Dinh Cô - một di tích nằm ở xã Long Hải, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là lễ hội nhằm tưởng nhớ và thờ phụng Long Hải Thần Nữ (dân gian gọi là Bà Cô) - vị thần biển trong tín ngưỡng dân gian địa phương, được cho là rất linh thiêng và thường phù hộ ngư dân. Lễ hội thu hút hàng chục nghìn lượt khách hành hương từ nhiều tỉnh/thành, đặc biệt ở khu vực Đông Nam Bộ, không chỉ bởi yếu tố tâm linh mà còn vì giá trị văn hóa, du lịch.

Nguồn gốc của tín ngưỡng thờ Bà Cô gắn liền với câu chuyện về một cô gái tên là Lê Thị Hồng, bị trôi dạt vào vùng biển Long Hải sau chuyến đi biển cùng cha mẹ. Khi qua đời, cô được dân làng chôn cất và lập miếu thờ bởi nhiều lần linh ứng xuất hiện trong mộng và giúp người dân vượt qua dịch bệnh. Dinh Cô được xây dựng để thờ phụng cô và dần trở thành trung tâm tín ngưỡng quan trọng. Dưới triều Nguyễn, sách *Đại Nam nhất thống chí* đã ghi chép về Dinh Cô và sự tích thần nữ như một hiện tượng đặc biệt. Bên cạnh Dinh Cô là phần mộ Bà Cô, nơi người dân thường đến thắp hương tưởng niệm.

Những năm gần đây, lễ hội Dinh Cô đã có những thay đổi rõ rệt về quy mô, thời lượng và hình thức tổ chức. Trước đây, lễ hội diễn ra trong ba ngày, chủ yếu phục vụ cộng đồng ngư dân địa phương. Tuy nhiên, từ năm 2023, thời gian lễ hội được mở rộng thành năm ngày (từ mùng 8 đến 12 tháng Hai âm lịch) và đến năm 2024 tiếp tục kéo dài đến chín ngày (từ mùng 8 đến 16 tháng Hai âm lịch). Việc mở rộng này không chỉ nhằm đón tiếp lượng khách tăng cao, mà còn tạo điều kiện để tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí một cách chuyên nghiệp hơn.

Ngoài các nghi thức truyền thống như lễ Nghinh Cô, lễ Cung thỉnh bài vị cá Ông và Bà Thủy Tộc Nương Nương, lễ cầu Quốc thái dân an, lễ hội còn tích hợp nhiều hoạt động phong phú như triển lãm, hội chợ, trò chơi dân gian (đạn lưới, đi cà kheo, ném còn, gánh cá, thả diều, bóng chuyền bãi biển...) nhằm tạo nên không khí lễ hội sôi động và kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Đặc biệt, từ năm 2024, một điểm nhấn mới được đưa vào lễ hội là nghi thức Thỉnh Long Vị, trong đó chính quyền địa phương đã lắp đặt một cây cầu rước Long Vị bằng sắt, thiết kế theo hình dáng thuyền đánh cá (dài 10m, ngang 1,2m, cao 1m), nhằm tạo điều kiện cho người dân và du khách chiêm bái Long Vị thuận lợi, an toàn, không chen lấn. Thị trấn Long Hải, nơi diễn ra lễ hội, có diện tích 12,54km² với dân số khoảng 44.000 người

(năm 2019), gồm 12 khu phố và có truyền thống lâu đời trong nghề đánh bắt hải sản. Từ thời nhà Nguyễn, Long Hải đã được ghi nhận là khu vực cư trú quan trọng của cư dân ven biển. Trong quá trình phát triển, đặc biệt là từ đầu thế kỷ XXI, Long Hải chuyển mình mạnh mẽ nhờ vào ngành dịch vụ - du lịch. Đến năm 2019, cơ cấu kinh tế địa phương bao gồm: nông nghiệp (20%), tiểu thủ công nghiệp (18%) và thương mại, dịch vụ, du lịch (62%) (UBND huyện Long Điền, 2019).

Với vị trí giáp biển Đông, nằm giữa các tuyến giao thông trọng điểm của tỉnh như Tỉnh lộ 44, Quốc lộ 51, 55 và 56, thị trấn Long Hải không chỉ thuận tiện cho giao thương, mà còn là điểm đến hấp dẫn với du khách. Bên cạnh Dinh Cô, Long Hải còn có nhiều danh thắng và di tích khác như núi Minh Đạm, dinh Bảo Đại, Thiền viện Tịch Chiếu, Tịnh xá Ngọc Hải, làng chài truyền thống..., tất cả đều góp phần tạo nên diện mạo du lịch đặc trưng của khu vực này.

Trong đời sống văn hóa của người dân Bà Rịa - Vũng Tàu nói chung và Long Hải nói riêng, tín ngưỡng thờ thần biển giữ vai trò chủ đạo. Ngoài Long Hải Thần Nữ, còn có nhiều vị thần khác như Nam Hải Tướng Quân, Thủy Long Thánh Mẫu, Tứ Vị Thánh Nương, được thờ phụng. Tuy nhiên, trường hợp Dinh Cô là hiện tượng đặc biệt khi một cô gái chết trẻ được tôn vinh như một vị thần có uy danh, được thờ cúng với lễ hội quy mô lớn, nghi thức trang trọng, thể hiện rõ nét giá trị văn hóa ngư nghiệp của cộng đồng. Trong bối cảnh văn hóa - xã hội như vậy, lễ hội Dinh Cô không chỉ là một nghi thức tâm linh, mà còn là biểu tượng văn hóa, là không gian kết nối cộng đồng và ngày càng trở thành một sản phẩm du lịch độc đáo, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Chính sách của Nhà nước đối với phát triển du lịch văn hóa

Hiện nay, Nhà nước Việt Nam xác định phát triển du lịch văn hóa là một trong những định hướng chiến lược quan trọng, vừa góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, vừa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Luật Du lịch năm 2017 khẳng định du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành và liên vùng, giữ vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu phát triển kinh tế quốc dân. Trong đó, du lịch văn hóa được xem là một trong những loại hình ưu tiên phát triển, dựa trên việc khai thác hợp lý hệ thống tài nguyên văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú của đất nước.

Trên cơ sở định hướng này, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm tạo lập hành lang pháp lý và điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch văn hóa. Các chính sách tập trung vào một số nội dung chủ yếu như: ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng tại các khu vực có tiềm năng du lịch; hỗ trợ xây dựng và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch dựa trên di sản văn hóa; khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch; đồng thời gắn phát triển du lịch với công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Cách tiếp cận này cho thấy văn hóa không chỉ được xem là nguồn tài nguyên để khai thác kinh tế, mà còn được đặt vào vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững.

Bên cạnh hệ thống chính sách chung, Việt Nam cũng đã xác lập các định hướng phát triển du lịch dài hạn thông qua Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cùng với các văn bản quy phạm pháp luật như Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch năm 2005 và Nghị định số 168/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Du lịch năm 2017. Các định hướng này nhấn mạnh việc xây dựng thương hiệu du lịch văn hóa Việt Nam dựa trên hệ giá trị di sản; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quảng bá điểm đến và số hóa di sản phục vụ tham quan; phát triển du lịch thông minh; đồng thời, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao nhận thức cộng đồng trong gìn giữ văn hóa và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch.

Thực tiễn cho thấy, những định hướng chính sách này đã tạo ra những tác động rõ rệt đối với sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam trong những năm gần đây. Theo báo cáo của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, năm 2022 Việt Nam đón khoảng 3,7 triệu lượt khách quốc tế (tương đương 20% so với năm 2019). Sang năm 2023, lượng khách quốc tế đã phục hồi mạnh mẽ, đạt 12,6 triệu lượt, tương đương khoảng 70% so với thời điểm trước đại dịch. Đến năm 2024, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 17,6 triệu lượt, phục hồi khoảng 98% so với năm 2019. Đây được xem là mức phục hồi nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á, cao hơn nhiều so với một số quốc gia có ngành du lịch phát triển như Thái Lan (88%), Singapore và Indonesia (86%) hay Philippines (72%). Trong bối cảnh ngành du lịch châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng phục hồi tương đối chậm sau đại dịch Covid-19, Việt Nam được đánh giá là một trong những điểm sáng nổi bật trên bản đồ du lịch khu vực và nhận được nhiều phản hồi tích cực từ các hãng truyền thông quốc tế (Trung tâm Thông tin Du lịch - Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, 2025). Sự tăng trưởng này không chỉ phản ánh quá trình phục hồi của ngành du lịch sau đại dịch, mà còn cho thấy hiệu quả của các chính sách kích cầu du lịch, nói lỏng chính sách thị thực và đẩy mạnh xúc tiến quảng bá hình ảnh điểm đến Việt Nam trên thị trường quốc tế. Đồng thời, các chính sách phát triển du lịch cũng góp phần quan trọng trong việc khai thác và tái cấu trúc các nguồn lực văn hóa tại nhiều địa phương.

Thông qua việc đưa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vào hệ thống sản phẩm du lịch, nhiều loại hình du lịch đặc thù đã được hình thành và phát triển như du lịch di sản, du lịch lễ hội, du lịch làng nghề và du lịch cộng đồng. Song song với đó, các chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch, xây dựng cơ sở dữ liệu di sản, quảng bá điểm đến trên nền tảng số và phát triển du lịch thông minh đang từng bước mở rộng khả năng tiếp cận của du khách đối với các giá trị văn hóa truyền thống. Theo thống kê của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, sự tăng trưởng của ngành du lịch cũng kéo theo sự phát triển nhanh chóng của hệ thống dịch vụ du lịch, với hàng nghìn doanh nghiệp lữ hành, hàng chục nghìn hướng dẫn viên và hàng trăm cơ sở lưu trú chất lượng cao được đưa vào hoạt động, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của điểm đến Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Ở cấp độ địa phương, việc triển khai các chính sách phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản đã mang lại nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tại tỉnh Quảng Nam, mô hình du lịch di sản gắn

với Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn là hai di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận - đã trở thành hình mẫu tiêu biểu trong việc kết hợp giữa bảo tồn di sản và khai thác du lịch. Tại Hà Nội, việc phục dựng không gian phố cổ kết hợp với tổ chức các lễ hội truyền thống như Tết Việt hay lễ hội Gióng đã góp phần thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước. Tỉnh Ninh Bình cũng tận dụng hiệu quả các giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan của Quần thể danh thắng Tràng An để phát triển du lịch sinh thái và du lịch tâm linh theo hướng bền vững. Bên cạnh đó, nhiều lễ hội và sự kiện văn hóa - nghệ thuật quy mô lớn như lễ hội Đền Hùng, lễ hội Chùa Hương, Festival Huế, lễ hội Áo dài Thành phố Hồ Chí Minh hay lễ hội Dinh Cô đã được tổ chức ngày càng chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của Nhà nước, từng bước trở thành những sản phẩm du lịch đặc sắc mang tầm quốc gia và quốc tế.

Từ những kết quả thực tiễn này có thể thấy rằng, chính sách của Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và thúc đẩy quá trình chuyển hóa các nguồn lực văn hóa thành sản phẩm du lịch. Sự kết hợp giữa bảo tồn di sản và khai thác du lịch không chỉ góp phần gia tăng giá trị kinh tế của văn hóa mà còn tạo ra sinh kế cho cộng đồng địa phương, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh và bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

3. Chính sách từ địa phương qua trường hợp lễ hội Dinh Cô

Trên nền tảng các chủ trương và chính sách chung của Nhà nước, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã cụ thể hóa định hướng phát triển du lịch văn hóa thông qua hệ thống văn bản và chương trình hành động phù hợp với điều kiện địa phương. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 07/04/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về phát triển du lịch chất lượng cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã xác định du lịch văn hóa - tâm linh là một trong những trụ cột quan trọng của chiến lược phát triển du lịch. Trong đó, lễ hội Dinh Cô được định hướng trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng, gắn với hình ảnh vùng biển Long Hải.

Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tiếp tục nhấn mạnh vai trò của các điểm du lịch văn hóa - tâm linh, coi Dinh Cô là một trong những điểm thu hút khách quan trọng. Bên cạnh đó, Đề án “Phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030” (được phê duyệt ngày 29/09/2017) và các quy định chung tại Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/06/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Du lịch năm 2005 và Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ hướng dẫn Luật Du lịch 2017 đã tạo nền tảng pháp lý để địa phương lồng ghép lễ hội Dinh Cô vào chiến lược phát triển du lịch tổng thể.

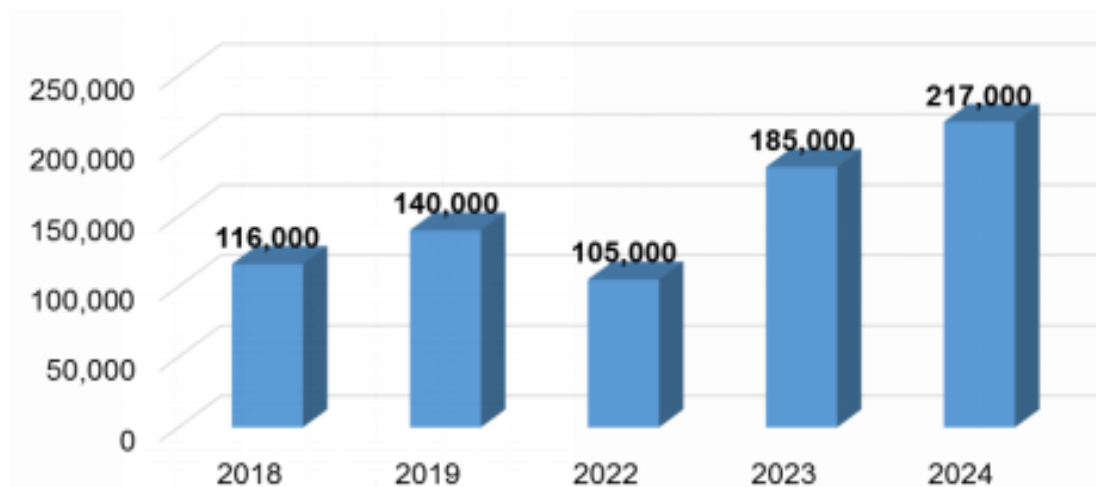
Sự quan tâm của chính quyền địa phương còn thể hiện rõ qua việc đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch. Dự án nâng cấp Quốc lộ 51 với tổng mức đầu tư khoảng 3.800 tỷ đồng, hoàn thành năm 2020, đã rút ngắn thời gian di chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Long Hải, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách tiếp cận các điểm du lịch, trong đó có

Dinh Cô. Cùng với đó, tuyến đường ven biển Long Hải - Phước Hải được cải tạo từ năm 2018 với ngân sách gần 50 tỷ đồng đã góp phần kết nối các điểm du lịch biển trong khu vực. Hệ thống dịch vụ du lịch như cơ sở lưu trú, nhà hàng, bãi đậu xe và khu nghỉ dưỡng cũng phát triển đồng bộ. Theo báo cáo Kết quả tổng hợp hoạt động du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023, số lượng cơ sở lưu trú tại Long Hải tăng trưởng trung bình từ 10 - 15% mỗi năm, với khả năng phục vụ hơn 1.500 khách/ngày, đồng thời tạo ra hàng trăm cơ hội việc làm trực tiếp cho người dân địa phương (Sở Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2023).

Song song với đầu tư hạ tầng, công tác quảng bá lễ hội Dinh Cô được đẩy mạnh thông qua các kênh truyền thông đại chúng và nền tảng số. Từ năm 2018, lễ hội thường xuyên xuất hiện trên các kênh truyền hình quốc gia và các nền tảng trực tuyến, góp phần gia tăng mức độ nhận diện và thu hút du khách. Đặc biệt, việc lễ hội Dinh Cô được đưa vào *Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2019* theo Quyết định số 3206/QĐ-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 06/9/2019 về việc đưa “Lễ hội Dinh Cô, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia đã khẳng định giá trị văn hóa của lễ hội, đồng thời tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc kết hợp bảo tồn di sản với phát triển du lịch.

Biểu đồ 1: Số lượng du khách tham gia lễ hội Dinh Cô từ năm 2018 đến 2024

Đơn vị tính: Người



Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Long Điền (năm 2018 - 2024)

4. Các tác động từ chính sách của Nhà nước đến phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hóa

Trong bối cảnh Nhà nước đẩy mạnh các chiến lược phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa gắn với kinh tế biển và du lịch tâm linh, lễ hội Dinh Cô ở Long Hải đã chịu tác động trực tiếp và sâu sắc từ các định hướng chính sách ở cả cấp trung ương và địa phương. Những tác

động này mang tính hai mặt: một mặt tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch và kinh tế địa phương, mặt khác làm nảy sinh những khó khăn, thách thức trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa - tín ngưỡng truyền thống của lễ hội.

4.1. Những thuận lợi từ tác động của chính sách Nhà nước đối với phát triển du lịch lễ hội Dinh Cô

Một là, Chính sách phát triển du lịch của Nhà nước đã thúc đẩy quá trình tái cấu trúc lễ hội Dinh Cô theo hướng mở rộng quy mô, nâng cao vị thế và gia tăng vai trò của lễ hội trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Dưới tác động của các định hướng phát triển du lịch văn hóa, lễ hội Dinh Cô từng bước chuyển dịch từ một nghi lễ tín ngưỡng truyền thống mang tính cộng đồng, gắn chặt với sinh kế biển và đời sống tâm linh của cư dân ngư nghiệp sang một sự kiện văn hóa - du lịch đại chúng, được xác lập như một sản phẩm du lịch đặc trưng của Long Hải nói riêng và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nói chung. Quá trình chuyển dịch này phản ánh rõ cơ chế tác động của chính sách Nhà nước thông qua đầu tư hạ tầng, mở rộng không gian tổ chức, nâng tầm quy mô và chuyên nghiệp hóa các hoạt động lễ hội. Những tác động thuận lợi từ chính sách này là sự thay đổi rõ nét về quy mô và thời gian tổ chức lễ hội. Nếu như trước đây, lễ hội Dinh Cô chỉ diễn ra trong khoảng ba ngày, với phạm vi tham gia chủ yếu là cộng đồng cư dân địa phương và một số vùng lân cận thì đến năm 2024, thời gian tổ chức đã được kéo dài lên đến chín ngày. Việc kéo dài thời gian lễ hội không chỉ mang ý nghĩa mở rộng sinh hoạt văn hóa, mà còn nhằm tạo điều kiện thu hút du khách từ nhiều vùng, miền, tăng thời gian lưu trú và kích thích tiêu dùng du lịch. Cùng với đó, hình thức tổ chức lễ hội ngày càng mang tính chuyên nghiệp với sự tham gia của các đoàn nghệ thuật, các chương trình biểu diễn văn hóa quy mô lớn, được dàn dựng bài bản theo hướng phục vụ công chúng rộng rãi.

Hai là, bên cạnh việc duy trì các nghi thức truyền thống cốt lõi như lễ Nghinh Cô, lễ Cung thỉnh bài vị cá Ông và Bà Thủy tộc Nương Nương, lễ cầu quốc thái dân an..., lễ hội Dinh Cô còn được bổ sung nhiều hoạt động mang tính giải trí, trải nghiệm. Các triển lãm, hội chợ văn hóa, trò chơi dân gian như đan lưới, đi cà kheo, ném còn, gánh cá, thả diều, bóng chuyền bãi biển không chỉ tạo nên bầu không khí sôi động, mà còn góp phần đa dạng hóa nội dung lễ hội, đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm và tiêu dùng văn hóa của du khách. Những hoạt động này đã giúp lễ hội trở thành một điểm nhấn du lịch hấp dẫn, góp phần quảng bá hình ảnh địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế dịch vụ.

Ba là, việc lễ hội Dinh Cô được đưa vào danh mục các sự kiện văn hóa - du lịch cấp tỉnh, được hỗ trợ tổ chức quy mô lớn và gắn với các tour du lịch tâm linh sinh thái kết nối Long Hải với các điểm đến lân cận, cho thấy vai trò định hướng và điều tiết mạnh mẽ của chính sách Nhà nước trong việc khai thác lễ hội như một nguồn lực phát triển. Từ góc độ phát triển du lịch, các chính sách này đã tạo ra điều kiện thuận lợi về nguồn lực, cơ chế tổ chức và quảng bá, giúp lễ hội Dinh Cô từng bước khẳng định vị thế trong bản đồ du lịch văn hóa của khu vực.

4.2. Những khó khăn và thách thức trong việc cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo tồn di sản văn hóa

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, quá trình phát triển du lịch lễ hội Dinh Cô dưới tác động của chính sách cũng đặt ra nhiều khó khăn và thách thức đối với việc bảo tồn các giá trị văn hóa, tín ngưỡng truyền thống.

Thứ nhất, sự chuyển đổi từ nghi lễ tín ngưỡng cộng đồng sang sản phẩm du lịch văn hóa đã làm thay đổi chức năng xã hội vốn có của lễ hội. Xét trên bình diện lịch sử - văn hóa, lễ hội Dinh Cô hình thành và tồn tại như một thực hành tín ngưỡng gắn bó chặt chẽ với đời sống sinh kế biển của cư dân Long Hải. Thông qua các nghi lễ mang tính chu kỳ như lễ rước, lễ cầu ngư hay cúng tiền hiền, cộng đồng ngư dân gửi gắm niềm tin vào sự phù hộ của Mẫu Cô đối với những chuyến ra khơi, đồng thời củng cố sự gắn kết xã hội và trật tự tinh thần trong không gian làng biển.

Tuy nhiên, khi lễ hội được lồng ghép vào chiến lược phát triển du lịch văn hóa của địa phương, chức năng xã hội truyền thống này đã có sự dịch chuyển đáng kể. Từ một nghi lễ mang tính nội sinh, chủ yếu phục vụ nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng cư dân bản địa, lễ hội dần được định hình như một “sản phẩm văn hóa” phục vụ quảng bá hình ảnh địa phương và thu hút du khách. Không gian lễ hội theo đó không chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng, mà trở thành không gian trình diễn, nơi các nghi thức, biểu tượng và tập quán văn hóa được tái hiện, sắp đặt và truyền thông theo logic thị trường và thị hiếu của công chúng bên ngoài. Quá trình này kéo theo sự gia tăng mạnh mẽ của các hoạt động dịch vụ, giải trí và thương mại, khiến yếu tố kinh tế ngày càng chiếm vị trí trung tâm trong cấu trúc lễ hội. Mặc dù các nghi thức truyền thống vẫn được duy trì về mặt hình thức, song vai trò của chúng có xu hướng bị thu hẹp trước sự mở rộng của các chương trình biểu diễn, hội chợ và hoạt động vui chơi phục vụ du lịch. Đồng thời, động cơ tham gia lễ hội của người tham dự cũng có sự phân hóa rõ rệt: bên cạnh cộng đồng cư dân địa phương đến với lễ hội bằng niềm tin tín ngưỡng, một bộ phận lớn du khách tiếp cận lễ hội như một trải nghiệm văn hóa - giải trí, trong đó việc chiêm bái và cầu nguyện chỉ còn là một phần trong chuỗi hoạt động tiêu dùng du lịch. Điều này làm gia tăng nguy cơ giản lược các giá trị văn hóa, tâm linh thành những trải nghiệm mang tính hình thức.

Thứ hai, thách thức tiếp theo thể hiện ở sự biến đổi không gian lễ hội. Từ một không gian linh thiêng mang tính cộng đồng, gắn với đền thờ, bãi biển và các nghi thức cúng lễ trang nghiêm, lễ hội ngày càng được tổ chức trong một không gian mang hơi hướng thương mại và đại chúng. Trong những ngày cao điểm của lễ hội (từ ngày 10 đến ngày 12 tháng Hai âm lịch), dọc các tuyến đường dẫn vào Dinh Cô xuất hiện hàng trăm quầy hàng buôn bán, dịch vụ ăn uống và giải trí. Không ít quầy hàng lấn chiếm lối đi vào khu thờ cúng, gây phản cảm và làm gián đoạn các hoạt động nghi lễ. Âm thanh từ loa quảng cáo, trò chơi giải trí và hoạt động buôn bán ồn ào đã làm ảnh hưởng đến không khí trang nghiêm vốn có của lễ hội. Bên cạnh đó, sự gia tăng nhanh chóng của lượng du khách - từ hơn 100.000 người năm 2018 lên hơn 200.000 người năm 2024 - đã tạo ra áp lực lớn lên hạ tầng giao thông, vệ sinh môi trường và

an ninh trật tự địa phương. Tình trạng ùn tắc giao thông kéo dài, rác thải sinh hoạt gia tăng sau mỗi kỳ lễ hội, ô nhiễm môi trường biển và cảnh quan văn hóa đang trở thành những vấn đề đáng lo ngại, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng không gian di sản và đời sống của cư dân địa phương.

Thứ ba, chính sách phát triển du lịch cũng làm thay đổi mô hình quản lý lễ hội Dinh Cô. Việc chuyển từ mô hình quản lý dựa vào cộng đồng sang sự phối hợp giữa chính quyền, cơ quan hành chính và doanh nghiệp giúp tăng tính chuyên nghiệp và khả năng huy động nguồn lực, nhưng đồng thời làm suy giảm vai trò chủ thể của cộng đồng địa phương, bởi quyền quyết định nội dung và định hướng phát triển lễ hội ngày càng tập trung vào các chủ thể quản lý hành chính và kinh tế. Sự đa dạng trong lực lượng tổ chức cũng khiến công tác điều phối trở nên phức tạp, dễ dẫn đến chồng chéo chức năng và khó kiểm soát chất lượng văn hóa của lễ hội.

KẾT LUẬN

Các chính sách phát triển du lịch của Nhà nước đã và đang giữ vai trò then chốt trong việc tái cấu trúc lễ hội Dinh Cô, không chỉ như một hiện tượng văn hóa, tín ngưỡng, mà còn là thực thể xã hội - kinh tế chịu sự chi phối trực tiếp từ các định hướng quản lý và phát triển. Quá trình du lịch hóa lễ hội, dưới tác động của chính sách, đã mang lại những thuận lợi rõ rệt về mở rộng quy mô, gia tăng nguồn lực kinh tế, nâng cao vị thế hình ảnh địa phương, song đồng thời cũng làm bộc lộ những căng thẳng nội tại giữa phát triển và bảo tồn, giữa lợi ích kinh tế và giá trị văn hóa, tâm linh, giữa quản lý hành chính và vai trò chủ thể của cộng đồng. Lễ hội Dinh Cô là một ví dụ điển hình cho thấy vai trò quan trọng của các chính sách Nhà nước trong phát triển du lịch văn hóa. Sự quan tâm của Nhà nước vào công tác quản lý và tổ chức lễ hội đã mang lại những thay đổi tích cực trong việc quảng bá hình ảnh văn hóa địa phương, góp phần nâng cao giá trị di sản văn hóa. Việc đưa lễ hội Dinh Cô vào chiến lược phát triển du lịch không chỉ giúp gia tăng doanh thu từ các dịch vụ du lịch mà còn nâng cao nhận thức của cộng đồng về những giá trị văn hóa truyền thống.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của du lịch cũng đặt ra những thách thức lớn, đặc biệt là việc bảo vệ không gian thiêng của lễ hội và ngăn ngừa nguy cơ thương mại hóa quá mức. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bền vững, việc phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, cộng đồng địa phương và các doanh nghiệp là điều kiện tiên quyết. Mối quan hệ này sẽ giúp duy trì các giá trị truyền thống, bảo vệ văn hóa cốt lõi của lễ hội, đồng thời tạo ra một môi trường du lịch hài hòa với tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đặc sắc của địa phương. Cùng với đó, cần tiếp tục nỗ lực để cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn di sản văn hóa, từ đó xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của lễ hội Dinh Cô trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo

1. Kim, L. T., & Bùi, T. (2020). The impact of state discourse on cultural heritage festivals in Vietnam: A case study of the Huong Pagoda Festival. *Vietnam Journal of Cultural Studies*, 12 (2), p. 45-62.
2. Lê Anh Tuấn. (2021). Di sản văn hóa phi vật thể và phát triển du lịch bền vững: Trường hợp lễ hội Đền Hùng. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, Số 440, tr. 8-17.
3. Nguyễn Văn Tiệp. (2019). *Nghiên cứu về các lễ hội tâm linh ở khu vực phía Nam Việt Nam*. [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh].
4. Sở Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (2023). *Báo cáo Kết quả tổng hợp hoạt động du lịch của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2018 - 2023*.
5. Timothy, D. J., & Nyaupane, G. P. (2009). *Cultural heritage and tourism in the developing world: A regional perspective*. Routledge.
6. Trung tâm Thông tin du lịch, Cục Du lịch quốc gia Việt Nam. (7/72025). *Du lịch Việt Nam vượt khó vững bước vào kỷ nguyên mới*. <https://www.dulichvn.org.vn/index.php/item/du-lich-viet-nam-vuot-kho-vung-buoc-tien-vao-ky-nguyen-moi>
7. Ủy ban nhân dân huyện Long Điền. (2018). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019*.
8. Ủy ban nhân dân huyện Long Điền. (2019). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020*.
9. Ủy ban nhân dân huyện Long Điền. (2022). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023*.
10. Ủy ban nhân dân huyện Long Điền. (2023). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024*.
11. Ủy ban nhân dân huyện Long Điền. (2024). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước tháng 2 năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tháng 3 năm 2024 trên địa bàn huyện Long Điền*.
12. Winter, T. (2014), Beyond Eurocentrism? Heritage conservation and the politics of difference. *International Journal of Heritage Studies*, No. 20 (2), pp. 123-137.